



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ PP ENTERPRISE
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ PP ENTERPRISE

Tầng 12, Tòa nhà Diamond Flower Tower, Số 48 đường Lê Văn Lương
Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 17



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ PP ENTERPRISE

Tầng 12, Tòa nhà Diamond Flower Tower, Số 48 Đường Lê Văn Lương,
Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư PP Enterprise (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Việt	Chủ tịch
Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Thành viên
Bà Lê Tuyết Mai	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Giám đốc
----------------------	----------

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thanh	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2024)
Ông Trần Đức Hiệp	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2024)
Ông Lê Văn Huy	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2024)

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Hội đồng Quản trị được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ PP ENTERPRISE

Tầng 12, Tòa nhà Diamond Flower Tower, Số 48 Đường Lê Văn Lương,
Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Tiếp theo)

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Hội đồng Quản trị cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Hội đồng Quản trị xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị,



Hoàng Việt
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

Số: 0216 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư PP Enterprise

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư PP Enterprise (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14 tháng 8 năm 2024, từ trang 05 đến trang 17, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán đề ngày 06 tháng 3 năm 2024 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 đã được soát xét bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo soát xét đề ngày 10 tháng 8 năm 2023 đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần.



Hoàng Lan Hương
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0898-2023-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 14 tháng 8 năm 2024
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

10240
CÔNG
CỔ PH
VĂN B
ENTE
H PH

2500-
NG TY
HH
TOÁN
DELOITTE
VIỆT NAM
I - TP H

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		16.352.309.126	11.108.141.421
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	8.560.169.236	3.391.407.676
1. Tiền	111		2.615.088.688	41.407.676
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.945.080.548	3.350.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.096.626.653	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121	5	2.110.634.985	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	5	(14.008.332)	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.670.954.958	7.699.094.068
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	1.544.848	4.522.144.315
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	1.165.668.836
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	7	223.055.963	223.055.963
4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	22	5.000.000.000	-
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	670.954.947	2.012.825.754
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(224.600.800)	(224.600.800)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		24.558.279	17.639.677
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		8.500.002	7.700.000
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		13.263.933	7.145.333
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	2.794.344	2.794.344
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		-	5.000.000.000
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	5.000.000.000
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	22	-	5.000.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		16.352.309.126	16.108.141.421

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		4.846.152.751	4.949.270.351
I. Nợ ngắn hạn	310		4.846.152.751	4.949.270.351
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	10	3.041.423.511	3.041.423.511
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	11	1.488.007.754	1.588.007.754
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	-	4.834.602
4. Phải trả người lao động	314		15.496.224	15.497.820
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		2.000.000	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	13	299.225.262	299.506.664
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		11.506.156.375	11.158.871.070
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	11.506.156.375	11.158.871.070
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		20.000.000.000	20.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		20.000.000.000	20.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		146.866.588	146.866.588
3. (Lỗ) sau thuế chưa phân phối	421		(8.640.710.213)	(8.987.995.518)
- (Lỗ) sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(8.987.995.518)	(9.732.088.249)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		347.285.305	744.092.731
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		16.352.309.126	16.108.141.421



Kiều Anh Tuyên
Người lập biểu/Kế toán trưởng



Hoàng Việt
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng	01	15	1.205.718.600	-
2. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01)	10		1.205.718.600	-
3. Giá vốn hàng bán	11	16	1.203.105.840	-
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		2.612.760	-
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	783.359.861	661.667.101
6. Chi phí tài chính	22	18	203.854.555	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		21.838.973	-
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	19	239.062.102	172.521.034
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		343.055.964	489.146.067
9. Thu nhập khác	31		4.834.602	-
10. Chi phí khác	32		605.261	1.300.846
11. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40=31-32)	40		4.229.341	(1.300.846)
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		347.285.305	487.845.221
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	20	-	-
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		347.285.305	487.845.221
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	21	174	244



Kiều Anh Tuyên
Người lập biểu/Kế toán trưởng



Hoàng Việt
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	347.285.305	487.845.221
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Các khoản dự phòng	03	14.008.332	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(225.753.425)	(661.665.753)
Chi phí lãi vay	06	21.838.973	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	157.379.185	(173.820.532)
Thay đổi các khoản phải thu	09	7.221.472.565	1.997.988.922
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(103.117.600)	(2.897.233.279)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(800.002)	-
Thay đổi chứng khoán kinh doanh	13	(2.110.634.985)	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(21.838.973)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	5.142.460.190	(1.073.064.889)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	800.000.000
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	26.301.370	233.906.849
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	26.301.370	1.033.906.849
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30)	50	5.168.761.560	(39.158.040)
Tiền đầu kỳ	60	3.391.407.676	80.929.602
Tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	8.560.169.236	41.771.562



Kiều Anh Tuyên
Người lập biểu/Kế toán trưởng



Hoàng Việt
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ PP ENTERPRISE

Tầng 12, Tòa nhà Diamond Flower Tower,
Số 48 Đường Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính,
Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 09a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư PP Enterprise (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102403985 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 10 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 16 được cấp ngày 13 tháng 12 năm 2023.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại sàn giao dịch HNX từ ngày 21 tháng 9 năm 2011.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 2 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 2).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;
- Phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng, hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu; tư vấn quản lý;
- Vận tải hàng hóa; bốc xếp kho bãi lưu giữ hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sở hữu đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Khai khoáng, khai thác quặng sắt, quặng kim loại khác;
- Xây dựng nhà; xây dựng công trình đường, điện, cấp thoát nước, công trình công ích khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa xe, bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ xe;
- Cho thuê xe có động cơ, máy móc, thiết bị, tài sản vô hình phi tài chính.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ hiện tại là đầu tư tài chính và bán buôn vật liệu xây dựng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính giữa niên độ

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

039
C T Y
H A N H
Đ U
R P R
H
IG
H
T
J
A
=

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này của Công ty được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Hội đồng Quản trị phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Hội đồng Quản trị, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi có bằng chứng giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá gốc theo các quy định kế toán hiện hành.



Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và khó có khả năng thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.



Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Tiền mặt	-	14.482
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.615.088.688	41.393.194
Các khoản tương đương tiền (i)	5.945.080.548	3.350.000.000
	8.560.169.236	3.391.407.676

- (i) Phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng với lãi suất từ 1,6% đến 1,9%/năm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Đông Đô (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 2,1%/năm).

5. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	Mã cổ phiếu	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
		Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
		VND			VND		
Ngân hàng TMCP Kỹ TCB thương Việt Nam	1.253.026.653	-	1.253.026.653	-	-	-	
Ngân hàng TMCP Quân đội	MBB 857.608.332	(14.008.332)	843.600.000	-	-	-	
		2.110.634.985	(14.008.332)	2.096.626.653	-	-	

Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 được xác định dựa trên giá đóng cửa của cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán HNX tại ngày 28 tháng 6 năm 2024 (ngày giao dịch cuối cùng của kỳ kế toán) và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Ban Điều hành Dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2	1.544.848	1.544.848
Công ty Cổ phần Gạch Ốp lát Hòa Bình Minh	-	3.575.465.057
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Thái Bình Minh	-	945.134.410
	1.544.848	4.522.144.315

7. PHẢI THU THEO TIẾN ĐỘ KẾ HOẠCH HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Hợp đồng dở dang tại ngày kết thúc niên độ kế toán:		
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	223.055.963	223.055.963
	223.055.963	223.055.963

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Phải thu tiền chuyển nhượng chứng khoán	448.875.000	-
Lãi dự thu cho vay	211.506.850	12.054.795
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	2.000.000.000
Các khoản phải thu khác	10.573.097	770.959
	670.954.947	2.012.825.754

Trong đó:

- Phải thu khác từ các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 22)	211.506.850	12.054.795
--	-------------	------------

9. NỢ XẤU

	Số cuối kỳ VND			Số đầu kỳ VND		
	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn
Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	223.055.963	(223.055.962)	Trên 3 năm	223.055.963	(223.055.962)	Trên 3 năm
Ban Điều hành Dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2	1.544.848	(1.544.838)	Trên 3 năm	1.544.848	(1.544.838)	Trên 3 năm
	224.600.811	(224.600.800)	-	224.600.811	(224.600.800)	-

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Tư vấn Việt - Delta	1.670.425.567	1.670.425.567	1.670.425.567	1.670.425.567
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí	556.045.763	556.045.763	556.045.763	556.045.763
Khác	814.952.181	814.952.181	814.952.181	814.952.181
	3.041.423.511	3.041.423.511	3.041.423.511	3.041.423.511

11. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Ban Quản lý dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	1.322.555.556	1.422.555.556
Ban Quản lý dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	132.452.198	132.452.198
Ban Điều hành các dự án của PVC Tại Hà Nội	33.000.000	33.000.000
	1.488.007.754	1.588.007.754

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp/ hoàn nhập trong kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
a. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.794.344	-	-	2.794.344
	2.794.344	-	-	2.794.344
b. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
Thuế thu nhập cá nhân	4.834.602	387.212	5.221.814	-
Thuế khác	-	3.603.907	3.603.907	-
	4.834.602	3.991.119	8.825.721	-

13. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Cổ tức phải trả	294.000.000	294.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	5.225.262	5.506.664
	299.225.262	299.506.664

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	(Lỗ) sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023				
Số dư đầu kỳ trước	20.000.000.000	146.866.588	(9.732.088.249)	10.414.778.339
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	487.845.221	487.845.221
Số dư cuối kỳ trước	20.000.000.000	146.866.588	(9.244.243.028)	10.902.623.560
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024				
Số dư đầu kỳ này	20.000.000.000	146.866.588	(8.987.995.518)	11.158.871.070
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	347.285.305	347.285.305
Số dư cuối kỳ này	20.000.000.000	146.866.588	(8.640.710.213)	11.506.156.375

Vốn điều lệ:

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh gần nhất, vốn điều lệ của Công ty là 20.000.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ.

Cổ phiếu	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.000.000	2.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>2.000.000</i>	<i>2.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.000.000	2.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>2.000.000</i>	<i>2.000.000</i>

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

15. DOANH THU BÁN HÀNG

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng hóa	1.205.718.600	-
	1.205.718.600	-

16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn hàng bán	1.203.105.840	-
	1.203.105.840	-

17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi kinh doanh chứng khoán	506.716.043	-
Lãi cho vay	225.753.425	661.665.753
Lãi tiền gửi	50.890.393	1.348
	783.359.861	661.667.101

18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lỗ kinh doanh chứng khoán	167.738.141	-
Chi phí lãi vay	21.838.973	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	14.008.332	-
Khác	269.109	-
	203.854.555	-

286
NG 1
IHH
TO,
DIT
NA
A-T



19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP VÀ CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	129.586.238	126.233.336
Chi phí dịch vụ mua ngoài	91.118.364	43.287.698
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	18.357.500	3.000.000
	239.062.102	172.521.034

20. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận trước thuế	347.285.305	487.845.221
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	605.261	1.300.846
<i>Chuyển lỗ</i>	347.890.566	489.146.067
Thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	-	-
Thuế suất (%)	20	20
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

Các quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi về sau theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế. Công ty không ghi nhận tài sản thuế hoãn lại cho các khoản lỗ tính thuế được chuyển do không chắc chắn về lợi nhuận trong tương lai để sử dụng các khoản lỗ được chuyển này.

Các khoản lỗ tính thuế mang sang của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ đến 30/06/2024	Lỗ chưa chuyển tại ngày 30/06/2024
2019	2024	(1.425.385.592)	1.095.791.159	(329.594.433)
		(1.425.385.592)	1.095.791.159	(329.594.433)

21. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	347.285.305	487.845.221
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	347.285.305	487.845.221
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	2.000.000	2.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	174	244

0-C
Y
IN
TE
M
HA
4039
IG TY
PHÂN
ĐẦU
ERPRIS
5 HA

22. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Ông Hoàng Việt	Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan sau đây:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi cho vay	199.452.055	-
Ông Hoàng Việt	199.452.055	-

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu về cho vay ngắn hạn (i)	5.000.000.000	-
Ông Hoàng Việt	5.000.000.000	-
Phải thu về cho vay dài hạn (i)	-	5.000.000.000
Ông Hoàng Việt	-	5.000.000.000
Lãi dự thu cho vay	211.506.850	12.054.795
Ông Hoàng Việt	211.506.850	12.054.795

(i) Phản ánh khoản cho vay theo hợp đồng cho vay số 2112/2023/HĐVV-PPE ngày 21 tháng 12 năm 2023 với lãi suất cho vay 8%/năm trong 18 tháng. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo. Ngày 12 tháng 8 năm 2024, Công ty đã thu hồi trước hạn khoản phải thu về cho vay này vào tài khoản thanh toán của Công ty.

Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ông Hoàng Việt	54.474.000	-
	<u>54.474.000</u>	<u>-</u>

Ban Kiểm soát và Giám đốc Công ty không nhận thu nhập trong kỳ từ Công ty.



Kiều Anh Tuyên
Người lập biểu/Kế toán trưởng



Hoàng Việt
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 14 tháng 8 năm 2024